

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG HỘI PHÚ**

Số: 11 /NQ- HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Hội Phú, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định dự toán ngân sách phường,
phương án phân bổ ngân sách phường Hội Phú năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI PHÚ
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII quyết nghị cơ bản thống nhất với các nội dung đề xuất của Bộ Chính trị và Đề án về phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc Quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của UBND phường Hội Phú về việc đề nghị xem xét, quyết định dự toán ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách phường năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BKTNS ngày 04/8/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường và ý kiến của đại biểu HĐND phường tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quyết định dự toán ngân sách phường Hội Phú năm 2025, cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn	33.208 triệu đồng.
- Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (NQD)	8.087 triệu đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất)	1.008 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ	5.309 triệu đồng.
- Phí và lệ phí	476 triệu đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân	17.434 triệu đồng.
- Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý	78 triệu đồng.
- Thu khác và phạt các loại	816 triệu đồng.
2. Tổng thu ngân sách phường	71.778 triệu đồng.
- Thu ngân sách phường hưởng theo phân cấp	7.801 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	63.977 triệu đồng.
+ Bổ sung cân đối	21.808 triệu đồng.
+ Bổ sung có mục tiêu	0
+ Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách thành phố chuyển về ngân sách tỉnh (do kết thúc hoạt động của thành phố)	42.169 triệu đồng.

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

1. Phương án phân bổ chi thường xuyên theo nguyên tắc

- Phân bổ chi ngân sách phường 6 tháng cuối năm trên cơ sở dự toán còn lại đến ngày 30/6/2025 của 3 phường: Hội Phú (cũ), Trà Bá, Chi Lăng và dự toán phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách thành phố chuyển về ngân sách tỉnh (do kết thúc hoạt động của thành phố) (*Dự kiến bao gồm: Kinh phí cho cán bộ, công chức thành phố chuyển về phường; Kinh phí bảo trợ xã hội; Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; Kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý*).

- Phân bổ chi ngân sách được tính toán đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã được Trung ương, tỉnh ban hành đến thời điểm tháng 7/2025. Tiền lương, phụ cấp và các khoản tính theo lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công

chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp Nhà nước có thay đổi về chế độ tiền lương, các chế độ chính sách khác có liên quan thì thực hiện điều chỉnh theo quy định.

2. Phân bổ dự toán ngân sách phường năm 2025

2.1. Phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước

a) Phân bổ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định của số chỉ tiêu biên chế có mặt.

Phân bổ bổ sung cho các cơ quan hành chính nhà nước kinh phí thực hiện chính sách tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) của số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm tháng 7/2025 (*chưa tính tiền thưởng đối với công chức từ thành phố chuyển về*).

b) Phân bổ chi hành chính theo biên chế được giao có mặt: Phân bổ theo phương pháp lũy thoái; số biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao có mặt cho từng cơ quan, đơn vị được chia thành các bậc khác nhau, phân bổ giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

- Từ 8 biên chế trở xuống mức phân bổ: 10 Triệu đồng/biên chế/năm.
- Từ biên chế thứ 9 trở lên mức phân bổ: 5 Triệu đồng/biên chế/năm.

c) Kinh phí phân bổ ở mục b đã bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan phát sinh hàng năm: Tiền làm đêm, thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, chi phí hội nghị, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, chi ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi hoạt động kiểm tra thường xuyên của đơn vị.

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên, mua sắm thay thế các thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

2.2. Các đơn vị trường học: Phân bổ lại cho các đơn vị trường học trên địa bàn phường theo số liệu tỉnh giao một phần dự toán phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách thành phố chuyển về ngân sách tỉnh (do kết thúc hoạt động của thành phố).

2.3. Phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ theo quy định:

- Các khoản phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách cấp xã; người hoạt động không chuyên trách cấp thôn, làng, tổ dân phố.

- Các khoản bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, làng, tổ dân phố; chế độ, chính sách đối với Dân quân; chế độ đối với Trung tâm học tập cộng đồng;

chế độ phụ cấp y tế thôn bản; chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân; phụ cấp cấp ủy; chế độ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Dự toán chi ngân sách phường:

Tổng chi ngân sách phường: 71.778 triệu đồng.

- Dự toán đã chi đến 30/6/2025 (tạm tính): 15.859 triệu đồng
- Chi thường xuyên phân bổ đợt này: 55.315 triệu đồng.
- Chi dự phòng: 604 triệu đồng.

Điều 2. Quyết định phương án phân bổ ngân sách phường Hội Phú năm 2025, như sau:

1. Tổng thu ngân sách phường	71.778 triệu đồng.
- Thu ngân sách phường hưởng theo phân cấp	7.801 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	63.977 triệu đồng.
+ Bổ sung cân đối	21.808 triệu đồng.
+ Bổ sung có mục tiêu	0
+ Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách thành phố chuyển về ngân sách tỉnh (do kết thúc hoạt động của thành phố)	42.169 triệu đồng.
2. Chi ngân sách phường	71.778 triệu đồng.
- Dự toán đã chi đến 30/6/2025 (tạm tính)	15.859 triệu đồng.
- Chi thường xuyên	55.315 triệu đồng.
- Chi dự phòng	604 triệu đồng.

(Chi tiết Phương án phân bổ ngân sách theo các biểu mẫu đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. UBND phường Hội Phú triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý tài chính, ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng; trong phạm vi kinh phí được giao để sắp xếp, sử dụng cho phù hợp, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ; tăng cường công tác kiểm tra tài chính đối với các đơn vị dự toán; triển khai các giải pháp hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước được giao; ngành Thuế bám sát chỉ đạo của cấp trên, thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, có biện pháp thực hiện hiệu quả, hoàn thành Nghị quyết đề ra.

3. Thường trực HĐND phường, 02 ban của HĐND phường, các Tổ đại biểu HĐND phường, các vị đại biểu HĐND phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND phường khóa XIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

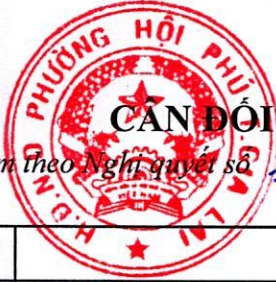
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- TTr Đảng ủy (để báo cáo);
- TTr HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Hai ban của HĐND phường;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Lãnh đạo VP HĐND&UBND;
- Các cơ quan, phòng chuyên môn phường;
- Website: <http://hoiphu.gialai.gov.vn>;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT.



Võ Phúc Ánh





Biểu số 1

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **11** /NQ-HDND ngày **07** /8/2025 của HĐND phường Hội Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	33.208
II	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	71.778
1	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	7.801
2	Bổ sung cân đối	21.808
3	Bổ sung mục tiêu	42.169
	...	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	71.778
1	Chi đầu tư phát triển	-
2	Chi thường xuyên	71.174
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.555
-	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	
3	Dự phòng chi	604
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	
5	Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu	



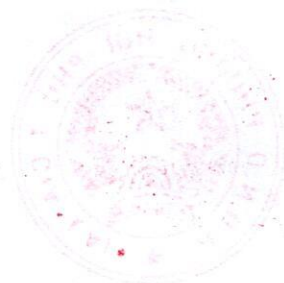


DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HDND ngày 07 /8/2025 của HDND phường Hội Phú)

Đơn: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ điều tiết	Thu NSNN		Thu NS Phường	Tăng so DT Tỉnh
			Tính giao	HDND Phường giao		
	A	1	2	3	4=1x2	5=3-2
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN		33.208	33.208	71.778	-
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn giao cho Phường		33.208	33.208	7.801	-
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ NQD		8.087	8.087	1.658	-
	- Thuế giá trị gia tăng	20%	8.036	8.036	1.607	-
	- Thuế TTDB hàng hóa, dịch vụ trong nước	100%	45	45	45	-
	- Thuế Tài nguyên	100%	6	6	6	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				-	-
2	Lệ phí trước bạ	20%	5.309	5.309	1.062	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất)	30%	1.008	1.008	302	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	20%	17.434	17.434	3.487	-
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm				-	-
6	Tiền sử dụng đất				-	-
7	Phí và lệ phí	100%	476	476	476	-
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản				-	-
	- Lệ phí môn bài				-	-
	- Phí, lệ phí còn lại		476	476	-	-
8	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý	0%	78	78	-	-
9	Thu khác và phạt các loại	100%	816	816	816	-
II	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương				-	-
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		-	-	63.977	-
1	Bổ sung cân đối				21.808	-
2	Bổ sung mục tiêu				-	-
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên cấp huyện bàn giao về Phường				42.169	-
	- Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về Phường				-	-
	- Chi thường xuyên				42.169	-



Biểu số 3

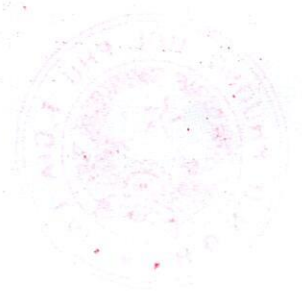
BIỂU TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HĐND ngày 07 /8/2025 của HĐND phường Hội Phú)

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu chi	Dự toán năm 2025				
		Tính giao	HDND Phường giao	Tăng so DT Tỉnh giao	Đã chi đến 30/6/2025	Dự toán còn lại phân bổ đợt này
	A	5	6=8+9	7	8	9
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	71.778	71.778	-	15.859	55.919
A	Chi cân đối NSNN	71.778	71.778	-	15.859	55.919
I	Chi đầu tư phát triển	-				
II	Chi thường xuyên	71.174	71.174	0	15.859	55.315
1	Chi sự nghiệp kinh tế					-
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.555	36.555			36.444
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin					-
6	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình					-
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao					-
8	Chi đảm bảo xã hội					3.763
9	Chi quản lý hành chính					14.517
10	Chi an ninh quốc phòng					591
11	Chi bổ sung nguồn cải cách tiền lương					-
II	Dự phòng	604	604	-	-	604
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	-	-			-
C	Chi từ nguồn bổ sung tính về	-				

10/10/1914
10/10/14

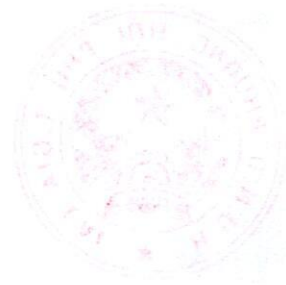




BIỂU TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG HỘI PHÚ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **11** /NQ-HDND ngày **07**/8/2025 của HĐND phường Hội Phú)

STT	ĐƠN VỊ NỘI DUNG	Loại sự nghiệp	Dự toán năm 2025					
			Dự toán giao					
			Tổng dự toán	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 1,49 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,31 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,54 trđ	Quỹ tiền thưởng	Chi khác theo định mức, chi theo nhiệm vụ
A	B	C	5=6+7+8+9+10	6	7	8	9	10
	A TỔNG CỘNG	B	55.919	3.418	711	1.239	478	50.073
1	Văn phòng HĐND&UBND phường	x	6.563	836	174	303	140	5.110
	- KP giao theo biên chế	QLNN	1.313	836	174	303		-
	- Quỹ tiền thưởng	QLNN	140				140	
	- Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo (Trung tâm học tập cộng đồng)	SNGD	50					50
	- KP hoạt động CTX của UBND	QLNN	130					130
	- Lương hợp đồng (tập vụ, bảo vệ)	QLNN	70					70
	- KP tiếp công dân, hòa giải cơ sở, đánh giá tiếp cận pháp luật, biểu mẫu hộ tịch và các nhiệm vụ khác	QLNN	30	-				30
	Tiền điện thoại sáng ủy ban, internet, đường truyền, báo, tạp chí...	QLNN	100					100
	Kinh phí chi khác phục vụ hoạt động chuyên môn của cơ quan (sửa chữa hệ thống điện, sửa chữa máy móc, thiết bị, mua sắm trang thiết bị,...), hội nghị sơ kết, tổng kết, hoa trang trí, hoa tặng nhân các ngày kỷ niệm, các ngày lễ tết và các khoản chi đột xuất khác	QLNN	235					235
	Chi phí vận chuyển, sửa chữa cải tạo ban đầu để đi vào hoạt động; Nâng cấp hệ thống Internet, mạng internet	QLNN	130					130
	Chi phụ cấp, các khoản đóng góp cho cán bộ KCT cấp xã (3 người)	QLNN	63					63
	Kinh phí chi trả phụ cấp cán bộ KCT thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố, tổ ANTTCS...	QLNN	3.762					3.762
	- Kinh phí chi trả phụ cấp y tế thôn	QLNN	25					25
	- Kinh phí phụ cấp đại biểu HĐND (61 ĐB)	QLNN	247					247
	- Kinh phí hoạt động của HĐND (NQ số 23)	QLNN	268					268
2	Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị	x	1.393	479	100	174	49	591
	- KP giao theo biên chế	QLNN	753	479	100	174		-
	- Quỹ tiền thưởng	QLNN	49				49	
	- Lương tổ TTĐT phường và chợ Trà Bá	QLNN	325					325
	- Phụ cấp cán bộ KCT (01)	QLNN	22					22
	- Xăng xe trật tự (Xăng, sửa xe, đăng kiểm...)	QLNN	35					35
	- Phần mềm BH, Thuế, biên lai điện tử...	QLNN	18					18
	- Kinh phí chợ (điện, nước, khác,...)	QLNN	13					13
	- Kinh phí mua sắm trang thiết bị (Máy scan, in...)	QLNN	-					-
	- Kinh phí hoạt động CTX	QLNN	105					105
	- Kinh phí chi trả tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	QLNN	73					73
3	Phòng Văn hóa xã hội	x	4.785	431	90	156	59	4.050
	- KP giao theo biên chế	QLNN	676	431	90	156		
	- Quỹ tiền thưởng	QLNN	59				59	-



STT	ĐƠN VỊ, NỘI DUNG	Loại sự nghiệp	Dự toán năm 2025					
			Dự toán giao					
			Tổng dự toán	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 1,49 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,31 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,54 trđ	Quỹ tiền thưởng	Chi khác theo định mức, chi theo nhiệm vụ
A	B	C	5=6+7+8+9+10	6	7	8	9	10
	- Kinh phí chi trả các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn-an sinh xã hội	ĐBXH	3.763					3.763
	- Kinh phí hoạt động CTX	QLNN	95					95
	- Kinh phí lĩnh vực Y tế	QLNN	20					20
	- Kinh phí Lĩnh vực văn hóa, khoa học , thông tin	QLNN	55					55
	- Kinh phí Lĩnh vực Nội vụ	QLNN	57					57
	- Kinh phí Lĩnh vực giáo dục	SNGD	60					60
4	Quân sự	x	591	97	20	35	10	429
	- KP giao theo biên chế	ANQP	152	97	20	35		
	- Quỹ tiền thưởng	ANQP	10				10	
	- KP Chi PC chức vụ, đặc thù, PC hàng tháng đối với dân quân tự vệ	ANQP	333					333
	Chi các hoạt động của Quân sự	ANQP	96					96
5	Trung tâm hành chính công	x	638	282	59	102	70	124
	- KP giao theo biên chế	QLNN	444	282	59	102		-
	- Quỹ tiền thưởng	QLNN	70				70	
	Lắp đặt hệ thống máy KIOSK dịch vụ công tự động và Tì vi	QLNN	-					-
	Chi phí nâng cấp mạng Lang tại Trung tâm phục vụ HCC	QLNN	-					-
	Chi phí dịch vụ truy cập internet cáp quang tốc độ cao	QLNN	-					-
	Trang trí biển bảng TTHCC	QLNN	-					-
	Cước dịch vụ biên lai điện tử	QLNN	18					18
	Máy Scan	QLNN	12					12
	Phần mềm kế toán	QLNN	14					14
	Kinh phí hoạt động CTX	QLNN	80					80
	Văn phòng phẩm	QLNN	-					-
	Chi khác	QLNN	-					-
6	Văn phòng Đảng ủy	x	2.961	959	199	347	96	1.359
	- KP giao theo biên chế	QLNN	1.506	959	199	347		
	- Quỹ tiền thưởng	QLNN	96				96	
	- Kinh phí phụ cấp đảng ủy viên (24 người * 0,3MLCS)	QLNN	101	-	-	-	-	101
	- Phụ cấp cán bộ KCT (02 người)	QLNN	42					42
	- Kinh phí báo cáo viên	QLNN	-					-
	- Kinh phí cộng tác viên dư luận	QLNN	-					-
	- Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ	QLNN	95					95
	- Kinh phí hoạt động CTX	QLNN	145					145
	- Chi trả nước hội họp (Thường trực, BTV, BCH, giao ban...)	QLNN	-					-
	- Chế độ hội nghị (các hội nghị chuyên đề, tổng kết)	QLNN	-					-
	- Chi khen thưởng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, tiền khùng, in giấy khen	QLNN	104					104

STT	ĐƠN VỊ, NỘI DUNG	Loại sự nghiệp	Dự toán năm 2025					
			Dự toán giao					
			Tổng dự toán	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 1,49 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,31 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,54 trđ	Quỹ tiền thưởng	Chi khác theo định mức, chi theo nhiệm vụ
A	B	C	5=6+7+8+9+10	6	7	8	9	10
	- Chi thực hiện Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	QLNN	10					10
	- Chi sửa máy móc thiết bị, mua phần mềm kế toán, phần mềm khai báo bảo hiểm, diệt virus máy tính, lắp đặt nâng cấp hệ thống mạng, máy scan	QLNN	22					22
	- Chi phí nhiên liệu, sửa chữa bảo dưỡng	QLNN	20					20
	- Chế độ công tác phí	QLNN	-					-
	- Đặt báo Gia Lai và báo cuối tuần cấp cho 26 chi bộ khu dân cư	QLNN	20					20
	- Kinh phí Đại hội Đảng bộ phường	QLNN	800					800
	- Trang bị TSCĐ, sửa chữa TSCĐ	QLNN	-					-
7	Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam	x	1.334	333	69	121	54	756
	- KP giao theo biên chế	QLNN	524	333	69	121		
	- Phụ cấp cán bộ KCT (7 người)	QLNN	143					143
	- Quỹ tiền thưởng	QLNN	54				54	
	- Kinh phí hoạt động CTX	QLNN	85					85
	Chi hoạt động thường xuyên UBMTTQVN (0,8)	QLNN	11					11
	Chi Hội nghị Ủy ban Mặt trận phường	QLNN	10					10
	Kinh phí thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết XD Nông thôn mới, đô thị văn minh TDP (5tr *26TDP)	QLNN	130					130
	Ban thanh tra nhân dân	QLNN	5					5
	Ban giám sát đầu tư cộng đồng cấp phường	QLNN	10					10
	Kinh phí tổ chức Đại hội MTTQ phường lần thứ nhất	QLNN	60					60
	Kinh phí tổ chức hoạt động chào mừng Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030	QLNN	10					10
	Kinh phí thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết XD Nông thôn mới, đô thị văn minh cấp Phường	QLNN	20					20
	Chi tổ chức tọa đàm kỷ niệm 95 năm ngày thành lập MT dân tộc thống nhất đất nước	QLNN	10					10
	- Kinh phí mua sắm máy móc	QLNN	12					12
	- Kinh phí hoạt động + Đại hội của Đoàn thanh niên, thấp nền tri ân	QLNN	70					70
	- Kinh phí hoạt động + Đại hội của Hội Phụ nữ	QLNN	60					60
	- Kinh phí hoạt động + Đại hội của Hội Nông dân	QLNN	60					60
	- Kinh phí hoạt động + đại hội của Hội cựu chiến binh	QLNN	60					60
8	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo		36.334	-	-	-	-	36.334
	Trường mầm non Vành Khuyên	SNGD	2.293					2.293
	Trường mầm non Hoa Phượng	SNGD	1.214					1.214
	Trường mầm non Hoa Hướng Dương	SNGD	2.001					2.001
	Trường Tiểu học Ngô Mây	SNGD	5.412					5.412
	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	SNGD	4.545					4.545
	Trường Tiểu học Ngô Quyền	SNGD	2.563					2.563
	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	SNGD	3.966					3.966

STT	ĐƠN VỊ, NỘI DUNG	Loại sự nghiệp	Dự toán năm 2025					
			Dự toán giao					
			Tổng dự toán	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 1,49 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,31 trđ	Lương, các khoản tính chất lương theo mức 0,54 trđ	Quỹ tiền thưởng	Chi khác theo định mức, chi theo nhiệm vụ
A	B	C	5=6+7+8+9+10	6	7	8	9	10
	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	SNGD	4.069					4.069
	Trường THCS Lý Thường Kiệt	SNGD	2.559					2.559
	Trường THCS Trần Phú	SNGD	7.712					7.712
9	Các khoản chi hỗ trợ và phân bổ cho từng đơn vị khi phát sinh cụ thể	x	716	-	-	-	-	716
	Quỹ lương của cán bộ công chức được giao trong dự toán, đã nghỉ theo chế độ 178	QLNN	-					
	Kinh phí tiết kiệm 10% theo quy định tại Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ và tiết kiệm dự toán đầu năm	QLNN	716					716
	Các nhiệm vụ chi khác phát sinh	SN khác	-	-				
10	Dự phòng NS Phường	x	604	-	-	-	-	604
	Dự phòng NS phường	DP	604					604

